

V/v mời chào giá vật tư tiêu hao, hóa chất  
cho các kỹ thuật trong thụ tinh trong  
ống nghiệm và xét nghiệm di truyền

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất cho các kỹ thuật trong thụ tinh trong ống nghiệm và xét nghiệm di truyền của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất cho các kỹ thuật trong thụ tinh trong ống nghiệm và xét nghiệm di truyền của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Huỳnh Đức Thiện - Nhân viên khoa Dược, Số điện thoại: 032.7527693, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Tuần Châu, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 02 tháng 7 năm 2026 đến trước 16h30 ngày 13 tháng 7 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2026.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá :

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hộp đầu côn có phin lọc các cỡ	Hộp đầu côn có phin lọc các cỡ. Không chứa Dnase, Rnase. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Hộp $\geq$ 960 tip	Hộp	200
2	Môi trường nuôi cấy tế bào ối đầy đủ thành phần	Môi trường bổ sung đầy đủ thành phần, được phát triển để nuôi cấy ngắn hạn các tế bào dịch ối người, phục vụ cho các nghiên cứu di truyền tế bào và các quy trình chẩn đoán in vitro - Loại tế bào: Amniocytes (tế bào dịch ối) - Chứa (FBS), gentamicin và L-glutamine để tối đa hóa sự bám dính và phát triển của tế bào, có hệ thống đệm cải tiến, mang lại độ ổn định pH cao hơn trong quá trình nuôi cấy. - Nồng độ: 1 X - Thời gian nuôi cấy dưới 14 ngày đảm bảo đủ số lượng cần phân tích và lập công thức karyotype tế bào ối - Môi trường nuôi cấy đảm bảo không cần bổ sung thêm thành phần hóa chất nào phụ thêm trong quá trình nuôi cấy. Quy cách: Lọ $\geq$ 100ml	Lọ	100

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
3	Môi trường nuôi cấy tế bào máu ngoại vi đầy đủ thành phần	Môi trường hoàn chỉnh, được phát triển để nuôi cấy ngắn hạn các tế bào lympho máu ngoại vi, nhằm phục vụ các nghiên cứu di truyền học tế bào và các quy trình chẩn đoán in vitro - Loại tế bào: Lymphocytes - Nồng độ: 1X - Môi trường đã rửa đông có thể được bảo quản ở 2-8 ° C trong tối đa 14 ngày - Môi trường được tối ưu từ môi trường RPMI 1640 hoặc tương đương, bổ sung huyết thanh bào thai bò (FBS), gentamicin sulfate, L-glutamine và phytohemagglutinin (PHA). - Đã được lọc vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) Quy cách: Lọ ≥ 100ml	Lọ	60
4	Hóa chất bất hoạt tế bào N-desacetyl-N-methylcolchicine	Dung dịch có chứa 10mg/ml N-desacetyl-N-methylcolchicine (Colcemid™) trong HBSS-Hank Balanced Salt Solution. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Lọ ≥ 10ml	Lọ	40
5	PBS dạng viên	Không chứa: Calcium, Magnesium, Phenol Red. Nồng độ: 1X. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Lọ ≥ 100 viên	Lọ	2
6	Hóa chất nhuộm Giemsa	Dung dịch được sử dụng cho kỹ thuật nhuộm băng G (G-banding) nhiễm sắc thể để phân tích tế bào học. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Lọ ≥ 100ml	Lọ	30
7	Dung dịch đệm pha loãng thuốc nhuộm Giemsa	Chuẩn bị dung dịch đệm phosphat pH 6.8, nhằm pha loãng thuốc nhuộm Giemsa sử dụng trong phương pháp nhuộm G-banding nhiễm sắc thể, phục vụ chẩn đoán di truyền học tế bào. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Chai ≥ 50 viên	Chai	1
8	Hóa chất bất hoạt tế bào hypotonic	Dung dịch hypotonic 0.075 M dùng để mở rộng tế bào nhằm tạo điều kiện trải các nhiễm sắc thể kì metaphase trong karyotyping. Quy cách: Hộp ≥ 4 x 100ml	Hộp	30
9	Muối đệm cân bằng có phenol red	Bao gồm: Calcium, Magnesium, Glucose, Phenol Red. Không chứa: Sodium Pyruvate. Dải pH: 6.7 - 7.8. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Chai ≥ 500ml	Chai	10
10	Dung dịch 0.25% Trypsin- EDTA	Được làm từ bột trypsin, một hỗn hợp protease được chiếu xạ có nguồn gốc từ tuyến tụy lợn. Chất chelator: Có EDTA, có phenol red. Độ pH: 7.2 - 8.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Lọ ≥ 100ml	Lọ	15
11	Dung dịch 2.5% Trypsin (10X)	Trypsin (2.5%) được sản xuất từ bột trypsin, một hỗn hợp protease đã được chiếu xạ có nguồn gốc từ tuyến tụy lợn. Được lọc vô trùng, không chứa EDTA, không phenol đỏ. pH: 7.1-8. Độ thẩm thấu: 270 - 320 mOsm/kg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Lọ ≥ 100ml	Lọ	10
12	Dung dịch acid acetic tinh khiết cho sinh học phân tử	Chuyên dụng cho sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Lọ ≥ 1 lít	Lọ	10
13	Chai nuôi cấy vô trùng có nắp lọc 25 cm <sup>2</sup>	Diện tích nuôi cấy 25cm hờ có màng lọc. Vật liệu: Polystyrene. Kiểu chai: hình hộp chữ nhật. Kiểu nắp: thông khí, được sản xuất bằng vật liệu Polyethylene. Xử lý bề mặt giúp tế bào bám dính tối ưu. Thể tích trung bình: 5 - 7,5ml. Thể tích làm việc tối đa: 10ml. Tuyệt trùng bằng tia gamma và không chứa nội độc tố. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	400
14	Ống ly tâm 15 ml	Ống ly tâm dung tích 15ml, có vạch chia trên thân ống, nắp ống phẳng. Không chứa Dnase/Rnase, đảm bảo khử trùng. Làm từ vật liệu Polypropylen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ống	3.000
15	Thạch điện di	Ứng dụng điện di với DNA kích thước: 100bp đến 30kb.	Lọ	5

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Lọ $\geq 500$ gr		
16	Đệm điện di TAE	Sử dụng trong điện di. Nồng độ 10X. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Bình $\geq 1$ lít	Bình	10
17	Môi cho các phản ứng PCR	Môi cho các phản ứng PCR. Nồng độ 25 nmol. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Ống	100
18	Strip PCR 0,2ml kèm nắp (nắp liền)	PCR strip nắp phẳng. Chứng nhận free Dnase, Rnase. Khử trùng ở 121 độ C trong vòng $\leq 15$ phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Strip	3.000
19	Thang chuẩn 100 DNA	Thang chuẩn 100 DNA ứng dụng điện di DNA genomes. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Lọ	10
20	Hoá chất cho phản ứng PCR	Dung dịch pha sẵn gồm Taq DNA polymerase, dNTPs, MgCl <sub>2</sub> và các đệm phản ứng. Bao gồm 2 màu nhuộm xanh và vàng cho phép kiểm tra trong quá trình điện di. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Hộp $\geq 100$ test	Hộp	50
21	Kit phát hiện đột biến Thalassemia Beta	Kit phát hiện đột biến Thalassemia Beta. Bộ kit phát hiện 22 đột biến Beta Glubin. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách: hộp $\geq 20$ test	Hộp	2
22	Kit phát hiện đột biến Thalassemia alpha	Kit phát hiện đột biến Thalassemia alpha. Bộ kit phát hiện 21 mất đoạn lớn và đột biến điểm của gene hemoglobin subunit alpha 1 (HBA1) và alpha 2 (HBA2). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: hộp $\geq 10$ test	Hộp	3
23	Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP	- Bộ kit tách huyết tương giàu tiểu cầu PRP gồm 1 ống ly tâm áp lực âm, Kit có chứa gel và chất chống đông tạo ra độ pH sinh lý, giúp giảm kích ứng. - Quá trình chuẩn bị một lần ly tâm 1500g trong $\leq 10$ phút với 6 bước đơn giản. - Thể tích ống: 22ml, Thể tích hút ra: 13ml - Tỷ lệ thu hồi tiểu cầu: 80% (+/-9%); Nồng độ cô đặc: 4.5x - Tỷ lệ loại bỏ hồng cầu: 99.9% và 95% bạch cầu hạt - Sản phẩm đạt non-pyrogen, xeno-free - Bảo quản tube ở nhiệt độ 4-25°C - Kèm theo các vật tư cung cấp kèm theo: - Kim cánh bướm 21G: 01 Cái - Kim chọc tủy số 18: 01 Cái - Holder: 01 Cái - Phin lọc 0,45 $\mu$ m sterile : 01 cái Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Bộ	120
24	Kit tách chiết DNA	Kit tách chiết bằng công nghệ cột, đơn giản dễ thao tác, hiệu suất thu DNA cao. Tách chiết từ dải rộng mẫu đầu vào: máu toàn phần, đờm, nước tiểu và dịch cơ thể. Quy cách: Hộp $\geq 50$ test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Hộp	50
25	Môi trường nuôi cấy phôi	Môi trường dùng để nuôi cấy phôi. Độ pH (at 37°C, 6% CO <sub>2</sub> ) : 7.20-7.45. Osmolality (mOsm/kg): 270-290. Tuyệt trùng: sterile - SAL 10 <sup>-3</sup> . Endotoxins (EU/ml): < 0.25. MEA (Chuyển phôi sau 96 giờ tính bằng %): $\geq 80\%$ . Thành phần gồm: NaCl, KCl, KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> , MgSO <sub>4</sub> .7H <sub>2</sub> O, NaHCO <sub>3</sub> , CaCl <sub>2</sub> .2H <sub>2</sub> O, D(+)-, Na-Lactate (50% solution), Na-Pyruvate, EDTA, Alanine-Glutamine, Water, non-essential and essential Amino Acids, 1% HSA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	ml	2.000
26	Môi trường ICSI PVP	Môi trường dùng để làm chậm khả năng vận động của tinh trùng. Độ pH: 7.20-7.60. Osmolality (mOsm/kg): 280-320. Tuyệt trùng: sterile - SAL 10 <sup>-3</sup> . Endotoxins (EU/ml): < 1.00. Độ nhớt (ở 25°C): > 170 cP. MEA (Chuyển phôi sau 96 giờ tính bằng %): $\geq 80\%$ . Thành phần gồm: GM501 PVP là 10% polyvinylpyrrolidone, HEPES, Lactate, Pyruvate, Glucose và dung dịch albumin người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Hộp $\geq 5 \times 0,2$ ml	Hộp	20
27	Dung dịch khử khuẩn, nấm dùng cho tủ ấm CO <sub>2</sub> trong phòng IVF	Dùng để khử trùng bề mặt như sau: Bề mặt hi-Mac, Thủy tinh, nhựa, acrylic và kim loại. Đã được thử nghiệm MEA. + Dung dịch trong suốt, không mùi, không chứa cồn, không VOC + Có khả năng chống ăn mòn + Có thể khử trùng lâu dài / không bay hơi - Dung dịch không cần pha loãng. - Thời gian hiệu quả khử trùng 15 phút. - Hiệu quả với những những loại vi sinh vật sau:	Lit	50

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diệt khuẩn: Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae.</li> <li>+ Diệt nấm: Candida albicans</li> <li>+ Diệt khuẩn và diệt lao: Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium</li> <li>+ Diệt virus: Virus Vaccinia, Poliovirus, Adenovirus</li> <li>- Hiệu quả chống lại tất cả các loại virut bao gồm HIV, Viêm gan B và C, Herpes simplex, Cúm A, Ebola</li> <li>Quy cách: Bình ≥ 5 lít</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)</li> </ul>		
28	Dung dịch vệ sinh sàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đã được thử nghiệm MEA và HSSA</li> <li>Không chứa cồn.</li> <li>Mức độ VOC rất thấp</li> <li>Tương thích với bề mặt và sàn phòng thí nghiệm, chất liệu thủy tinh, nhựa, gạch, cao su.</li> <li>- Hiệu quả chống lại tất cả các loại virut bao gồm HIV, Viêm gan B và C, Herpes simplex, Cúm A, Ebola</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)</li> <li>Quy cách: Bình ≥ 2 lít</li> </ul>	Lit	8
29	Dung dịch vệ sinh tủ cấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng để khử trùng bề mặt như sau: Bề mặt hi-Mac, Thủy tinh, nhựa, acrylic và kim loại.</li> <li>Đã được thử nghiệm MEA.</li> <li>+ Dung dịch trong suốt, không mùi, không chứa cồn, không VOC</li> <li>+ Có khả năng chống ăn mòn</li> <li>+ Có thể khử trùng lâu dài / không bay hơi</li> <li>- Dung dịch không cần pha loãng.</li> <li>- Thời gian hiệu quả khử trùng 15 phút.</li> <li>- Hiệu quả với những những loại vi sinh vật sau:</li> <li>+ Diệt khuẩn: Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae.</li> <li>+ Diệt nấm: Candida albicans</li> <li>+ Diệt khuẩn và diệt lao: Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium</li> <li>+ Diệt virus: Virus Vaccinia, Poliovirus, Adenovirus</li> <li>- Hiệu quả chống lại tất cả các loại virut bao gồm HIV, Viêm gan B và C, Herpes simplex, Cúm A, Ebola</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)</li> <li>Quy cách: Bình ≥ 1 lít</li> </ul>	Lit	6
30	Bơm tiêm 3 nắp 1ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bơm tiêm đầu thẳng có kim 1ml, gắn sẵn kim 27Gx1 0.5"</li> <li>- Nguyên liệu: Polypropylene</li> <li>- Vạch chia thể tích rõ ràng khó phai: Chịu được cồn isopropyl 70%</li> <li>- Chịu được áp lực 43.5psi nước trong 30 giây</li> <li>- Không chứa mù cao su, Không chứa DEHP, không chứa BPA, không tiềm ẩn nguy cơ BSE</li> <li>- Khoảng chết: 0.07 mL; Vạch đo chính: 1/10 mL; Vạch đo phụ: 1/100 mL</li> <li>- Tệt trùng.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)</li> </ul>	Cái	3.000
31	Ống nghiệm tệt trùng 5 ml đáy tròn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Làm bằng Polypropylene. Thể tích ≥ 5ml.</li> <li>Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA ≥ 80% Blastocyst.</li> <li>Không gây độc. nội độc tố.</li> <li>Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI ≥ 0.75%).</li> <li>Đã tệt trùng.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)</li> </ul>	Ống	2.500
32	Ống nghiệm đáy tròn 14 ml.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Làm bằng Polypropylene. thể tích ≥ 14ml.</li> <li>Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA ≥ 80% Blastocyst.</li> <li>Không gây độc. nội độc tố.</li> <li>Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI ≥ 0.75%).</li> <li>Đã tệt trùng.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)</li> </ul>	Cái	5.000
33	Ống nghiệm tệt trùng 15 ml đáy nhọn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Làm bằng Polypropylene. thể tích ≥ 15ml.</li> <li>Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA ≥ 80% Blastocyst.</li> <li>Không gây độc. nội độc tố.</li> <li>Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI ≥ 0.75%).</li> <li>Đã tệt trùng.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)</li> </ul>	Cái	1.500
34	Pipette hút mẫu 1ml tệt trùng đơn chiếc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Pipet nhựa thể tích 1 ml</li> <li>- Sản xuất từ nhựa siêu trong, không chứa các chất thải ra: slip agents, biocides, plasticizers, Bisphenol A, latex.</li> <li>- Sản phẩm đã được tệt trùng, không có chất gây sốt, DNA, Dnase, Rnase.</li> <li>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)</li> </ul>	Cái	24.000
35	Pipette tệt trùng 10 ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>Pipet nhựa thể tích 10 ml</li> <li>- Sản xuất từ nhựa siêu trong, không chứa các chất thải ra: slip agents, biocides,</li> </ul>	Cái	5.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		plasticizes, Bisphenol A, latex. - Sản phẩm đã được tiệt trùng, không có chất gây sốt, DNA, Dnase, Rnase. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
36	Môi trường hoạt hóa noãn	Độ pH (ở 37 °C, 6 % CO <sub>2</sub> ): 7,0 -7,6. Osmolality (mOsm/kg): 400-450. Tiệt trùng: terile - SAL 10 <sup>-3</sup> . Endotoxins (EU/ml): < 0.25MEA (Chuyển phôi sau 96 giờ tính bằng %): ≥ 80. Thành phần có chứa gồm: NaCl, KCl, KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> , MgSO <sub>4</sub> .7H <sub>2</sub> O, NaHCO <sub>3</sub> , CaCl <sub>2</sub> .2H <sub>2</sub> O, D(+)-Glucose anhydrous, Na-Lactate, Na-Pyruvate, EDTA, Alanlyl-Glutamine. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có). Quy cách: Lọ ≥ 1ml	Lọ	8
37	Đầu típ tiệt trùng đơn chiếc 2µl- 200 µl	Đầu típ được tiệt trùng và đóng gói riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 2 – 200 µl. Chiều dài đầu típ: 53 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	5.000
38	Đầu côn tiệt trùng đơn chiếc 0,1µl - 20µl	Là loại đầu típ được tiệt trùng riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ 0,1 – 20 µl. Chiều dài đầu típ: 40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	4.500
39	Ổng đông tinh	- Đường kính ngoài: 12,5 mm, dài: 48mm, dung tích: 1,8ml - Chất liệu: Polypropylene - Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	600
40	Bơm tiêm hút noãn 10 ml	Dung tích: 10 ml. Đầu xoắn. Làm bằng vật liệu Polypropylen (PP). Thân bơm trong suốt. Có vạch chia thể tích. Đóng gói vô trùng riêng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	60.000
41	Môi trường lọc rửa tinh trùng bằng phương pháp gradient	Môi trường lọc rửa tinh trùng để từ ấm CO <sub>2</sub> trước khi sử dụng. Độ pH: 7.2-7.6. Osmolality (mOsm/kg 45%): 310-340. Osmolality (mOsm/kg 90%): 320-350. Tiệt trùng: SAL 10 <sup>-3</sup> . Nội độc tố (EU/ml): < 0.5. Quy cách: Lọ ≥50 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Lọ	40
42	Catherter chuyển phôi	- Dùng để chuyển phôi vào buồng tử cung. - Cấu tạo gồm 2 phần. Catheter mềm bên trong và Catheter ngoài. - Catheter ngoài dùng để xác định độ sâu khi đưa vào cổ tử cung. Catheter ngoài có đánh dấu thành 5 đoạn tính từ đầu ống. Mỗi đoạn cách nhau 1 cm. Phần tay cầm của lớp vỏ ngoài trong suốt có 5 gờ được đúc cách nhau 1 cm. Catheter có đầu tròn ở đầu ống. Chiều dài Catheter là 23 cm. - Phần tay cầm được thiết kế công thái học. Giúp cầm và điều khiển chắc chắn. - Catherter vô trùng, sử dụng một lần. - Catheter được tiệt trùng bằng khí EO. - Được thử nghiệm trên phôi chuột MEA và Nội độc tố cho từng Lô. - Thử nghiệm trên phôi chuột MEA: > 80%. - Thử nghiệm nội độc tố LAL: < 0,5 Eu/ ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	600
43	Kim giữ noãn	Kim được làm từ thủy tinh borosilicate (O.D 1mm; I.D 0,75 mm). Tổng chiều dài là 5,5 mm, đầu mở được đánh bóng. Chiều dài của tay là 1mm. Góc từ 20 – 40 độ. Kích cỡ đường kính kim: O.D 120 um. Loại nhỏ và vừa có I.D từ 15 – 20 um. Loại dài có I.D dài 25 um. Giữ kim được thiết kế thẳng hoặc góc cong. Giữ kim chỉ sử dụng 1 lần. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Cái	400
44	Môi trường làm chậm tinh trùng trước ICSI	Môi trường làm chậm tinh trùng trước ICSI Đặc tính kĩ thuật: - Độ pH 7.0 - 8.5 - Độ thẩm thấu (mOsm/kg H <sub>2</sub> O): 290-320 - Mức nội độc tố <1.0 EU/mL - Tỷ lệ sống sót của tinh trùng sau 18h lọc theo thang nồng độ >50% - Chai và nút chai được kiểm tra M.E.A	Hộp	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Thành Phần: Sodium chloride, Potassium chloride, Magnesium sulphate, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium bicarbonate, human Serum Albumin (hSA), Hyaluronic Acid, Nước cất, Glucose, Calcium lactate, Pyruvate, EDTA, HEPES. - Quy cách: Hộp ≥6 chai (1× 100μl) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)		
45	Kim ICSI giúp đưa tinh trùng vào trứng	- Kim đưa tinh trùng vào trứng; - Chất liệu: thủy tinh borosilicate; - Đường kính trong: 4.5μm, đường kính ngoài: 6μm; - Đầu kim với góc nghiêng 35 độ; - Chiều dài tip: 800μm; Chiều dài tổng: 54-56mm - Tiệt trùng từng cái. - MEA test ≥80% Blastocyst (90.48%) - LAL≤0.5 EU/thiết bị (<0.125 EU/ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Chiếc	1.000
46	Kim sinh thiết phôi nang	- Kim sinh thiết phôi - Chất liệu: thủy tinh borosilicate; - Đường kính trong: 25μm, đường kính ngoài: 35μm; - Đầu kim với góc nghiêng 35 độ; - Chiều dài tip: 700μm; Chiều dài tổng: 54-56mm - Tiệt trùng từng cái. - MEA test ≥80% Blastocyst (90.48%) - LAL≤0.5 EU/thiết bị (<0.125 EU/ml) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có)	Chiếc	600
47	Khí trộn cho tủ nuôi cấy phôi	Là thành phần chứa hỗn hợp khí trộn sẵn chuyên dùng để nuôi cấy phôi người. - Khí trộn 3 thành phần. Thành phần khí trộn và nồng độ như sau: • 6% -7% CO2 (±0.2%) • 5% O2 (±0.2%) • Cân bằng bởi N2 - Dung lượng hỗn hợp khí trộn sẵn chứa trong bình 7m3 (2000psi). - Khí được nén ở áp suất: 3.600 psi (±5%); được bơm vào bình áp suất: 2.000 psi (±5%). - Vỏ bình chứa khí được xử lý tiệt trùng, loại bỏ tối đa tạp chất, đảm bảo độ tinh khiết của khí, giúp ổn định nồng độ hỗn hợp khí trong suốt thời gian sử dụng. - Có chứng nhận kiểm tra chất lượng nồng độ khí trộn trong từng bình. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, chứng nhận CE, CFS, FDA... (nếu có) - Quy cách: Bình ≥47 lít	Bình	52

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Minh Cường**

**Phụ lục**  
**BÁO GIÁ**

**Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1		Thiết bị A													
2		Thiết bị B													
3															
<b>Tổng: ... mặt hàng</b>												<b>Tổng thành tiền:</b> (Bằng chữ: ...)			

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))